



70 Năm Thành Lập TVBQGVN (1948-2018)

Khóa 16 - Ấp Chiến Lược

Khóa 16 là khóa đầu tiên của Trường Võ bị Quốc Gia Việt Nam được tuyển chọn và huấn luyện theo đúng tiêu chuẩn của tinh thần sắc lệnh ngày 29-7-59 của Tổng thống VNCH về việc cải tổ trường VBLQĐL thành trường VBQGVN, một khóa chuyển tiếp và thí nghiệm để đặt những nền móng căn bản cho chương trình huấn luyện cũng như gây những tiền lệ thành tích cho các khóa sau. Khóa 16 đã trải qua nhiều giai đoạn thanh lọc thử thách cam go để tồn tại đến ngày mãn khóa với 226 SVSQ tốt nghiệp, trong số hơn 300 người nhập học.

Lý do đưa đến quyết định chọn Võ Nghiệp làm hướng đi cho đời mình tuy có khác nhau, song điều quan trọng đáng nói là họ đã xác định được một thái độ dứt khoát trước giai đoạn sinh tử của Quốc Gia: tồn tại trong tự do thực sự, hay chết trong bất khuất. Thái độ họ phải chọn và đã chọn là thái độ của kẻ đã ý thức được sự cấp thiết trong vai trò tiền phong của người Cán Bộ hiện tại, nghĩa là phải hăm hở xắn tay, vén áo tìm đến với khó khăn, gian khổ mà không ngửa trông đợi chờ.

Với một hướng đi rạch rỡ đã vạch sẵn, một chí nguyện bất

khuaát truyền thông, một tinh thần quyết thắng, thêm vào đó một căn bản học vấn, một quan niệm học tập đứng đắn, họ đã khắc kỷ khép mình vào những mục tiêu phải đạt để tạo cho bản thân một khả năng trưởng thành toàn diện về mọi mặt, xứng đáng tự hào là lớp người đại diện cho Trường và cho Quân Đội. Vì lẽ đó, mọi ý thức tự hèn trước những vấn đề phi quân sự không còn lý do để tồn tại. Họ đã dám nhìn thẳng vào mọi khó khăn gian khổ với đôi mắt lạc quan và nụ cười tự tin.

Mặc dầu tính trạng khẩn trương của đất nước, vì nhu cầu cấp bách của chiến trường, thời gian thụ huấn bị rút gọn bớt gần một năm. Họ phải đốt cháy giai đoạn, làm việc ngày đêm không cần biết đến ngày thứ Bảy và Chủ Nhật, cũng như ngày lễ để thâm nhận đầy đủ và nhập tâm chương trình văn hóa, quân sự 4 năm của khóa học. Thời gian quá eo hẹp, chương trình quá nặng nề, cũng như sự thanh lọc quá khắt khe, làm cho họ quên đi sự quan thiết và yếu tố quyết định: “Muốn tồn tại phải có thực tài, thực lực”. Trái lại, họ còn hãnh diện vì đã có đất đứng dưới mái Quân trường này.

Như lời Trung Tá Chỉ Huy Trường đã nói: **“Người Cán bộ ấy phải là thành phần của một quân đội Cách Mạng. Cách mạng không những trong quan hệ về nhiệm vụ, cách mạng trong sự đào luyện, mà lại còn cách mạng trong tinh thần và ý chí thể hệ tiềm lực đa hiệu của người cán bộ”** thì họ xứng đáng là người Cán bộ mà Quốc Dân và Quân Đội đang trông chờ.

Các giai đoạn huấn luyện

Nhằm mục đích đương đầu một cách hữu hiệu với tình trạng khẩn trương của nước nhà và nhất là các chiến thuật mới của Việt Cộng, chương trình quân sự đặc biệt chú trọng đến phần thực tập, luôn luôn đặt SVSQ trước một không khí chiến trường thực sự để họ nêu lên những khó khăn gặp phải rồi giải đáp và rút ra những ưu khuyết điểm của giải pháp. Do đó, ngoài các ban khoa chuyên môn như: truyền tin, vũ

khí, địa hình, chương trình tác chiến được xem như là trọng tâm của khóa học và được chia ra các giai đoạn:

- * Tiểu đội
- * Trung đội
- * Đại đội

Mặt khác chương trình còn có những phần bổ túc khá quan trọng về tham mưu, binh chủng, phương pháp huấn luyện, dẫn đạo, chỉ huy...



***Trung Tá Trần Ngọc Huyền, Chỉ Huy Trưởng TVBQGVN.
(Đứng giữa)***

Niên học bắt đầu bằng một mùa Quân Sự kéo dài trong 10 tuần lễ từ hạ tuần tháng 11 đến trung tuần tháng 2 Dương Lịch. Thời kỳ này là mùa khô ráo tại Đà Lạt.

Trong suốt mùa Quân Sự, sĩ quan cũng như sinh viên sĩ quan luôn luôn sống trong bầu không khí hành quân. Việc huấn luyện, vấn đề ăn, ngủ đều ở ngoài trời để SVSQ quen với cuộc sống ở chiến trường, không có những ngày nghỉ định kỳ, thứ Bảy, Chủ Nhật, hay ngày lễ trong mùa này.

Mùa Quân Sự kết thúc bằng cuộc thao dượt kéo dài 2 hay 3 ngày. Mục đích để trắc nghiệm thực hành sự học hỏi và thấu thập của SVSQ sau mười tuần quân sự.

Ngoài ra trong suốt mùa Văn Hóa, các SVSQ được huấn luyện tu dưỡng quân sự mỗi tuần 1 ngày. Trong ngày đó, SVSQ học ôn những môn đã giảng dạy, hoặc được huấn luyện bổ túc những thiếu sót, hay tác xạ tu dưỡng.

Trong năm cuối cùng của khóa học, họ được gửi đi học nửa tháng về Biệt Động Quân tại Trung Tâm Huấn Luyện BĐQ ở Dục Mỹ, để có một ý niệm thực tế hơn trước khi rời trường ra lĩnh nhiệm vụ ở đơn vị.

Trích đăng từ:

<http://k16vbqgvn.org/k16/vobi16/vainet.htm>



Cho Nhau

Kim Cao, K25

Cho nhau tuổi chớm đôi mươi
Tình trong đây mắt, môi cười trao duyên
Cho nhau chôn ấy Lâm Viên
Ôm mơ ấp mộng nặng riêng lời thề

*Cho nhau tình luyến đê mê
Thương chàng alpha đỏ Jaspe một thời
Tình vương phút ấy trao môi
Duyên trao nghĩa kết nên đôi trọn đời*

Cho nhau chia cách xa rời
Chiến trường bom đạn đầy voi nổi sào

Đêm đêm khăn lạy nguyện cầu
Biên cương bom lạng tuyền đầu súng êm

*Cho nhau ngày tháng chênh vênh
Tù đày “cải tạo” còn đâu lối về
Đường dài vạn dặm quẻ quẻ
Gót son thân hạc sơn khê thăm chông*

Cho nhau mòn mỏi đợi mong
Thủy chung son sắt còn trong lời thề
Nhớ thương xót dạ ủ ê
Gối xưa hương cũ lê thê giọt sầu

*Cho nhau nuôi phút ban đầu
Ngày về tuổi đã vượt mầu thời gian
Da nhăn tóc bạc ngõ ngang
Chỉ còn bước lạc dấu hoang sơ tàn*

Cho nhau xế bóng chiều lam
Áo xưa nay đã phai pha võ vàng
Còn cho nhau nổi cơn hàn
Sáng chia dưa muối, chiều san mắm cà

*Một thời chinh chiến xông pha
Một lần ôm mộng kinh Kha ê chề
Cho nhau sớm tối vỗ về
Giông to sóng lớn yên bề vững neo*

Cho nhau tuổi chất chông theo
Thân già nghiêng ngả cheo neo về chiều
Chỉ còn ánh mắt thương yêu
Cho nhau như thể chưa nhiều cho nhau.



Cảm Nghĩ của Người Hậu Duệ về **“Võ Bị Hành Khúc”**

Cao Xuân Thanh Ngọc (Christina Cao)
Hậu Duệ Khoá 14 TVBQGVN

Lần đầu tiên tôi có được vinh hạnh gặp cựu Trung Tá Lê Như Hùng, tác giả của bản “Võ Bị Hành Khúc” là vào khoảng năm 1992, vào ngày họp mặt của khoá 14 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Thân phụ của tôi và bác Lê Như Hùng cùng thụ huấn và ra trường cùng khoá. Đó là khoảng thời gian gia đình tôi và gia đình của bác được định cư tại Hoa Kỳ theo diện HO. Vào thời gian này, năm nào Ba tôi cũng cho tôi đi tham dự những buổi họp mặt của khoá; vì thế, tôi có cơ hội để biết thêm về lịch sử của ngôi trường Võ Bị Quốc Gia, những vị anh hùng hào kiệt của trường, thời gian huấn luyện của những cựu Sinh Viên Sĩ Quan Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam (SVSQ/ TVBQGVN)... Nhưng, điều đặc biệt mà tôi luôn khắc ghi trong thâm tâm là bài “Võ Bị Hành Khúc”. Và càng ngạc nhiên và hãnh diện hơn nữa là tác giả của ca khúc để đời này lại là do bác Lê Như Hùng, người cùng khoá Nhân Vị (Khoá 14) với thân phụ của tôi! Thật hãnh diện vô cùng...

Trải qua gần 20 năm, tôi chưa có dịp gặp lại bác vì bận rộn

với học hành, gia đình và công việc... Cơ duyên được gặp lại bác hôm nay thật là tình cờ. Tôi đang ngồi nói chuyện với ba mẹ bỗng nhiên ba hỏi,

- “Con có muốn đi thăm bác Lê Như Hùng với ba mẹ không? Bác nhắc con hoài!”

Tôi đồng ý liền! Thế là tôi chờ ba mẹ tôi đến thăm bác! Vừa gặp bác, tôi không khỏi chạnh lòng, bác đã quá già yếu so với gần 20 năm trước. Tuy vậy, bác vẫn rất minh mẫn, chuyện gì ngày xưa bác cũng nhớ! Được dịp, tôi liền hỏi bác một câu hỏi mà tôi đã ấp ủ cả mấy chục năm nay!

“Hoàn cảnh nào, cảm hứng nào và vào thời gian nào mà bác đã sáng tác bản Võ Bị Hành Khúc? Và bài Võ Bị Hành Khúc được duyệt xét, chấp thuận như thế nào từ Bộ Chỉ Huy Trường Võ Bị Đà Lạt?”

Với vóc người nhỏ nhắn, chất chứa niềm hãnh diện, bác từ từ chia sẻ:

- “Suốt tám tuần lễ sơ khởi, kể từ khi bước chân vào Trường Mẹ, hàng ngày trong thao dượt, các bác được hát rất nhiều bản quân hành như Xuất Quân, Quyết Tiến, Lục Quân Việt Nam, Không Quân Việt Nam,... Tự nhiên, bác băn khoăn suy nghĩ là tại sao không có một khúc quân hành chỉ riêng cho Trường Võ Bị Đà Lạt? Những ý nghĩ này cứ ám ảnh, đeo đuổi bác mãi. Chờ cho chinh phục đỉnh Lâm Viên xong, chờ cho được gấn Alpha xong, chờ cho được lột xác từ Tân Khoa Sinh thành SVSQ, bác lò dò lên thư viện tại phòng Chiến Tranh Tâm Lý của Trường để tìm hiểu, tra cứu xem đã có niên trưởng nào viết bản nhạc về Trường Mẹ chưa? Qua các tập san Võ Bị Đà Lạt được lưu trữ, bác thấy có đôi bản nhạc được viết cho Võ Bị. Bác nhắm hát, nhưng cảm thấy là chưa có bản nhạc nào “đạt” tới đúng ý nêu cao khí thế Võ Bị. Thảo nào mà Trường Mẹ vẫn chưa có một Khúc Quân Hành truyền thống!”

Từ đó mà bác nghiền ngẫm, suy nghĩ, những ý nhạc, quyết tâm viết nên một Hành Khúc Võ Bị Đà Lạt. Sự nghiền ngẫm

này hình như đã nhập tâm. Vào một đêm năm 1957, bác nằm mơ thấy rõ mình đang ngồi xem một dàn quân nhạc đang diễn hành, tấu lên một khúc quân hành rất hùng tráng, diễn rất nhịp bước của Sinh Viên Sĩ Quan (SVSQ) Đà Lạt. Bác vội vàng vùng dậy, vội vàng ghi lại ý nhạc.

Hôm sau, nhắm lại ý nhạc thì thấy rất thích, rất vừa ý, nên bác nghĩ đến phần viết lời. Một hôm, ở sân bắn sau đồi 1515, trong khi chờ tới lượt ra thềm bắn, bác bắt gặp ngay được cảm hứng và chỉ trong mười lăm phút là viết xong lời ca cho **Võ Bị Hành Khúc!**

Bản nhạc này dĩ nhiên được chuyển gởi đến các SVSQ cán bộ trong hệ thống Tự Chỉ Huy, rồi đến Sĩ Quan cán bộ, qua Phòng Tâm Lý chiến của Trường. Không lâu sau đó, chính vị Chỉ Huy Trường, lúc bấy giờ là Thiếu Tướng Lê Văn Kim, đã công bố chấp nhận bài **Võ Bị Hành Khúc** của bác là bài ca chính thức của SVSQ/ TVBQGVN!”

Bác cũng chia sẻ là,

- “Từ lúc khoá 14, khai giảng ngày 7 tháng 2 năm 1957 đến lúc bác sáng tác bài hát chỉ sau tám tuần, trường **Võ Bị** lúc bấy giờ còn mang tên **Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt**. Do đó, tên nguyên thủy của bài hát là **Võ Bị Liên Quân Hành Khúc**, và câu thứ nhất của bài hát là, “**Ta đoàn sinh viên Võ Bị Liên Quân...**”. Cho đến lúc cơ sở mới của Trường đã được xây cất xong, tọa lạc trên đồi 1515, và được chính thức mang trên là **Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam** thì bản nhạc nói trên được đổi thành là **Võ Bị Hành Khúc**, và lời ca đầu của bài hát cũng được sửa lại thành, “**Ta đoàn sinh viên Võ Bị**

Việt Nam...” chứ không còn là **“Ta đoàn sinh viên Võ Bị Liên Quân”** nữa.

Sau khi bản nhạc này được Bộ Chỉ Huy trường chấp thuận và trở thành bài ca truyền thống chính thức của SVSQ/TVBQGVN, bản nhạc cũng đã được dùng để làm nhạc hiệu mở đầu cho chương trình phát thanh của trường Võ Bị Đà Lạt vào mỗi tối Thứ Tư hàng tuần, dài 30 phút, trên làn sóng của Đài Phát Thanh Đà Lạt. Bản **“Võ Bị Hành Khúc”**, qua chương trình phát thanh vừa nói, mau chóng trở thành phổ thông, quen thuộc với thính giả, được phổ biến đến khắp nơi. Mặt khác, chương trình phát thanh Võ Bị Quốc Gia từ đó đã là một trong những phương tiện quảng bá rất hữu hiệu, đem hình ảnh Trường Võ Bị Đà Lạt với những đổi thay nhanh chóng, từ trường ốc, cơ sở, cho đến chương trình đào tạo, huấn luyện, đến với mọi tầng lớp dân chúng, nhất là với thanh niên sinh viên học sinh.

Bác cũng muốn nhắc lại ở đây một chút ghi nhận về Ban Phát Thanh được phụ trách chuyển tiếp từ khoá 13 qua khoá 14, và với khoá 14, Ban Phát Thanh đã trở thành hoàn chỉnh, mẫu mực. Ban Phát Thanh với nhạc hiệu mở đầu cho chương trình là Võ Bị Hành Khúc, cũng là một hồi tưởng kỷ niệm đáng được trân trọng. Ban Phát Thanh đó với thành phần SVSQ khoá 14 được chọn lựa đúng khả năng văn nghệ gồm Hoàng Điệp (bút hiệu của bác); Lê Như Hùng làm trưởng ban, phụ trách chọn nhạc, viết hoà âm; với các tiếng hát Võ Tín, Tôn Thất Hoàng, Lê Chí Thiện, Lê Hữu Thạnh, Nguyễn Cao Đàm, Trần Đình Giao; phối hợp cùng các giọng ca nữ sinh Đà Lạt như Huyền Thu, Thuỳ Hương, Thu Hương, Thạch Thảo... Trong khi đó, bác Duy Năng Nguyễn Đình Trí, Thê Hoài Trần Hoài Châu phụ trách soạn bản tin, viết bình luận, viết chapeau cho các bản nhạc được trình bày: và do bác Trần Đức Luận làm xướng ngôn viên....”

Ngoài **“Võ Bị Hành Khúc”**, bác cũng có sáng tác thêm một số nhạc khúc nữa như **“Lâm Viên Ca”**, **“Mừng Ngày**

Quốc Khánh”, “**Về Làng**”, “**Hẹn Ngày Tái Ngộ**”... nhưng bác không ưng ý mấy, dù rằng bản “**Về Làng**” rất được ưa chuộng và được hát nhiều lần trên Đài Phát Thanh Đà Lạt trong chương trình phát thanh của **Ban Văn Nghệ Cảnh Sát Quốc Gia Đà Lạt-Tuyên Đức**. “Về sau này, khi được về phục vụ tại Sài Gòn, bác có viết cho Trường Quốc Gia Âm Nhạc một số nhạc giáo khoa để các nhạc sinh trường này dùng làm bài thực tập.

Về bút hiệu Hoàng Điệp, dĩ nhiên là có mang một ý nghĩa riêng tư! Bút

hiệu này được dùng từ năm 1953, khi bác làm trưởng ban nhạc Sóng Vàng, một ban nhạc học sinh tài tử gồm những giọng ca rất thành danh về sau như



Thiếu Tá Lê Như Hùng và gia đình, 1970.

Minh Đỗ, Thanh Hằng, Ngọc Bảo, Thanh Hiếu... Ban nhạc Sóng Vàng phụ trách một chương trình văn nghệ 30 phút phát thanh hàng tuần trên làn sóng của đài phát thanh Hà Nội lúc bấy giờ. Trong ban nhạc có Hoàng Điệp là bạn gái của bác, vốn là một tài năng về đàn Hạ Uy cầm nổi tiếng lúc đó. Tuy nhiên, hoàn cảnh đất nước chia đôi vào tháng 7, năm 1954 đã tạo nên hoàn cảnh kẻ ở người đi. Gia đình bác di cư vào Nam trong khi bác Hoàng Điệp và gia đình đã ở lại Bắc. Bác chọn bút hiệu Hoàng Điệp để nhớ mãi một người bạn gái đã cùng tham gia những buổi văn nghệ thuở đầu đời...” Bác của tôi sao mà lãng mạn quá!

Bác bây giờ tuổi đã cao, sức khỏe đã yếu nhiều, nhưng bác cũng mong những việc làm của bác (trong suốt một thời gian dài, bác đã từng đảm trách phần vụ Phó Chủ Tịch Hội Cựu Chiến Binh Việt Nam Cộng Hoà Nam California) góp được phần nào cho hoài bão chung của chúng ta trên bước đường luân lạc tha phương là giải thể chế độ cộng sản, quang phục lại quê hương Việt Nam.

Ngồi nghe bác kể lại đầy đủ chi tiết, và nhất là bác cứ nhắc đi nhắc lại với thân phụ tôi là làm sao để các niên đệ khoá đàn em biết về lịch sử của bản nhạc, nhớ đến người cha đẻ của bản nhạc là ai, là bác vui mừng lắm rồi!

Trước khi chào tạm biệt bác, tôi mạo muội hứa với bác là tôi sẽ làm mọi cách để đưa con tinh thần này của bác sẽ không bị phôi phai hoặc bị quên lãng theo thời gian. Tôi cũng hứa là tôi sẽ ghi lại cuộc nói chuyện thật quý báu hôm nay để truyền lại cho các hậu duệ của trường Võ Bị.

Trên suốt đoạn đường lái xe về nhà, tôi đã lẩm nhẩm hát bài **Võ Bị Hành Khúc, của Hoàng Điệp (Lê Như Hùng)**. Một ca khúc tuyệt vời từ lời ca đến ý nhạc:

Ta đoàn sinh viên Võ Bị Việt Nam.
Đồng hát khúc ca quân hành.
Đoàn sinh viên ta xiết chặt dây thân ái.
Gieo khắp đó đây những mầm sống vui.

*Đồng thanh ta ca vui hát lên!
Dù gian nan bao nhiêu khó khăn.
Đoàn sinh viên ta luôn tiến lên!
Đi lên đi lên! Đi!*

Ta đoàn sinh viên hợp đoàn vui sống...
Gieo khắp đó đây khúc ca thanh bình

* * *

*Ta đoàn sinh viên một nhà Việt Nam.
Đồng hát khúc ca Thanh Bình.*

*Đoàn sinh viên ta quyết một lòng vì Nước.
Xây đắp non sông nước Việt sáng tươi*

Đồng thanh ta ca vui hát lên!
Dù gian nan bao nhiêu khó khăn.
Đoàn sinh viên ta luôn tiến lên!
Đi lên đi lên! Đi!

*Ta đoàn sinh viên hợp đoàn vui sống...
Gieo khắp đó đây khúc ca thanh bình*

Về sau, các CSVSQ thường chỉ hát lời một, được lặp lại hai lần, nhưng ý nghĩa vẫn đầy đủ ý và dễ nhớ.

SVSQ đang diễn Hành tại Vũ Đình Trường Lê Lợi



Anh Quốc, 1979

Phỏng Vấn

Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu

Đặng Kim Thu, K19 (sưu tầm)

Ký giả Von Johannes của tuần báo Spiegel nước Đức đã phỏng vấn ông Thiệu hồi năm 1979, lúc ông Thiệu còn cư trú tại nước Anh, do dịch giả Nguyễn Việt Kim chuyển ngữ ra tiếng Việt.

Nguyên tác đăng trong số 50 tuần báo “Der Spiegel” năm 1979 với tựa đề “Ông Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố: Người Mỹ đã phản bội chúng tôi.”



Tổng Thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu (1967-1975)

- Ký giả: Thưa ông, trong cuốn hồi ký, ông Henry Kissinger cho biết là trong khoảng thời gian từ 1968 đến 1972, Hoa Kỳ cố gắng hòa đàm để chấm dứt chiến tranh tại Việt Nam, một cuộc chiến kéo dài nhiều năm với hàng triệu nạn nhân, làm nát vụn quả tim Hoa Kỳ. Lúc đó, ông Kissinger là trưởng đoàn và ông là Tổng Thống VNCH. Ông đã gây trở ngại cho hòa đàm. Xin ông cho biết lý do khiến ông làm như vậy.

- Ông Thiệu: Hoàn toàn vô lý với những cáo buộc đó. Nếu tôi gây trở ngại thì đã không có thỏa ước hòa bình năm 1973, dù mọi người đều biết, đó không phải là một thỏa ước hòa bình

tốt đẹp, công bằng mà hậu quả đã rõ ràng. Ông Kissinger đại diện của Hoa Kỳ, còn tôi với cương vị Tổng Thống VNCH, tôi có nhiệm vụ bảo vệ quyền lợi thiết yếu của nước tôi.

Tôi đã nhiều lần nhân mạnh với Tổng Thống Nixon và ông Kissinger rằng đối với một cường quốc như Hoa Kỳ thì việc rút bỏ một số vị trí trong một quốc gia nhỏ bé như Việt Nam thì không có gì là thiết yếu. Nhưng đối với chúng tôi thì đó là việc sống còn của đất nước.

- Ký giả: Ông Kissinger cho biết rằng sau cùng thì ông cũng đồng ý với thỏa thuận hòa bình, nhưng ông ta cũng nói thêm là vì sự cản trở của ông nên cuộc hòa đàm kéo dài rất lâu. Sở dĩ ông chấp nhận đề nghị của Hoa Kỳ, với suy nghĩ thâm kín của ông là chắc Hà Nội cũng sẽ từ chối.

- Ông Thiệu: Không đúng! Với một cuộc chiến kéo dài gần 30 năm, cuộc thương thảo để kết thúc cần nhiều hơn vài ba tháng. Tôi hiểu là đối với Hoa Kỳ, đến để trợ giúp chúng tôi. Đây là thời gian tham chiến lâu nhất trong lịch sử Hoa Kỳ, vì thế, Mỹ muốn kết thúc mau lẹ. Song chúng tôi cần một nền hòa bình bền vững.

- Ký giả: Ông Kissinger cho rằng ông không muốn hòa bình và thậm chí mong là phái Hà Nội cũng vậy. Vì thế, ông chỉ đồng ý ngoài mặt và tin chắc là sẽ không có một hiệp ước. Phải chăng ông hay thay đổi, không thật lòng, với hy vọng không bao giờ phải đưa ra ý kiến thật của mình?

- Ông Thiệu: Không thể nói là một dân tộc phải chịu đựng đau khổ vì chiến tranh gần 30 năm lại muốn kéo dài chiến tranh. Ông Kissinger muốn có thỏa hiệp thật nhanh để rút quân và tù binh Mỹ được trao trả. Có thể đó là chính sách rút chạy cấp tốc của Mỹ. Người Mỹ đến rồi đi, chúng tôi ở trên xứ sở của mình. Chúng tôi có quyền đòi hỏi một nền hòa bình lâu dài, chứ không phải chỉ vài năm rồi là nối tiếp vài mươi năm chiến tranh nữa.

- Ký giả: Ông Kissinger cho biết là trong cuộc họp thượng

đỉnh vào tháng 6 năm 1969 tại đảo Midway, ông đề nghị Hoa Kỳ rút quân?

- Ông Thiệu: Trước cuộc họp thượng đỉnh, tin tức báo chí cho biết chính phủ Mỹ sẽ cho rút một phần quân số tại VN. Lúc đó, tôi nghĩ là chính phủ Mỹ muốn thăm dò dư luận, tiết lộ tin tức trước đó để đặt chúng tôi vào một việc đã rồi.

- Ký giả: Như thế, ông đã hình dung ra các diễn tiến sắp xảy ra?

- Ông Thiệu: Đúng như vậy. Hội Nghị Thượng Đỉnh Midway có 2 mục tiêu:

1. Gặp gỡ giữa 2 tổng thống để thảo luận về tình hình VNCH.

2. Đi sâu vào một vấn đề then chốt, là việc Mỹ rút quân.

Tôi nắm vững tình hình, không có cái nhìn sai lệch hay hốt hoảng.

- Ký giả: Khi đề nghị việc rút quân, ông có thực sự nghĩ là ông có thể đơn độc chiến đấu đến chiến thắng cuối cùng? Đây là một cuộc chiến tranh với sự tham dự của hơn 500 ngàn quân Mỹ, với bộ máy chiến tranh khổng lồ mà còn không tạo được chiến thắng.

- Ông Thiệu: Tôi không hề đưa ra đề nghị rút quân, chỉ chấp thuận mà thôi. Tổng Thống Nixon giải thích cho tôi hiểu rằng đây chỉ là một việc tượng trưng. Ông ta chỉ cần có sự ủng hộ của quốc hội, của dân chúng Mỹ vì các khó khăn quốc nội. Tôi khuyến cáo là đừng để Hà Nội coi đây là nhược điểm của Hoa Kỳ.

- Ký giả: Ông không nghĩ đây là sự bắt đầu của một cuộc rút quân toàn diện của Hoa Kỳ?

- Ông Thiệu: Tôi cứ nghĩ đây chỉ là sự bắt đầu giảm thiểu quân số tham chiến của Mỹ, chứ không bao giờ nghĩ là Hoa Kỳ sẽ rút quân ra và bỏ rơi VN.

Tôi bày tỏ với Tổng Thống Nixon là song song với việc giảm quân số Hoa Kỳ, quân lực VNCH sẽ được tăng cường. Với viện trợ kinh tế và quân dụng, chúng tôi sẽ lần lần tự lập được. Tôi đòi hỏi phía Hà Nội phải có thái độ tương ứng lại việc rút quân. Tổng Thống Nixon đồng ý với tôi là rút quân từ từ và song song (Hoa Kỳ và Bắc Việt).

- Ký giả: Và có tính cách tượng trưng?

- Ông Thiệu: Tôi hiểu là chiến tranh VN tạo ra khủng hoảng ngay trong nước Hoa Kỳ. Tổng Thống Nixon giải thích thêm là ông ta cần nhiều hành động có tính cách tượng trưng để đối phó với tình hình trong nước. Một tuần trước đó, tại Hán Thành và Đài Bắc, khi thảo luận với Tổng Thống Pak Chung Hy và Tổng Thống Tưởng Giới Thạch, tôi bày tỏ với nhị vị này, hy vọng của tôi là sau khi thảo luận với Tổng Thống Nixon tại đảo Midway, ông sẽ chỉ tượng trưng rút quân mà thôi. Nhưng tôi cũng ý thức rằng khi muốn thì Hoa Kỳ sẽ rút toàn bộ quân tham chiến tại VN và vì thế sẽ hợp lý khi Mỹ giúp đỡ tăng cường quân lực VNCH tương ứng với việc rút quân Mỹ. Tôi không bao giờ có ý nghĩ là quân đội Mỹ sẽ ở lại VN mãi mãi.



Tổng Thống Hoa Kỳ Richard Nixon (1969-1974)

- Ký giả: Cần lưu ý là Mỹ có đóng quân ở Nam Hàn và Tây Đức.

- Ông Thiệu: Dân tộc chúng tôi là một dân tộc kiêu hùng chỉ cần sự giúp đỡ về vũ khí. Chúng tôi không thiếu nhân lực.

- Ký giả: Nhìn lại thì ông phân tích ra sao về tình hình? Lúc

đó, Bộ Trưởng Quốc Phòng Melvin Laird phát biểu một nhóm từ ngữ mới: “Việt Nam Hóa Chiến Tranh”. Vậy phải chăng ông ta ám chỉ rõ ràng là Hoa Kỳ muốn rút lui thật nhanh?

- Ông Thiệu: Khi ông Nixon thăm Saigon vào tháng 7 năm 1969, ông ta nhắc lại với tôi là ông ta rất cần sự ủng hộ của dân chúng Mỹ ở trong nước. Ông ta nhấn mạnh đến sự khó khăn tại Mỹ và sự giúp đỡ của tôi rất cần thiết. Ông ta không hề nói đến sự rút quân theo kế hoạch đã có sẵn của Mỹ. Tôi thông cảm. Chúng tôi đồng ý cộng tác để giúp đỡ lẫn nhau và chỉ nói đến việc rút quân từ từ.

- Ký giả: Chứ không phải theo một kế hoạch mà Mỹ đã định sẵn sao?

- Ông Thiệu: Không. Ông Nixon lại hứa là việc rút quân có kèm theo những biện pháp buộc Hà Nội phải có hành động tương ứng. Đi đôi với quân viện sẽ kèm theo viện trợ kinh tế để giúp chúng tôi đứng vững.

- Ký giả: Ông có nghi ngờ là khi cần thiết Hoa Kỳ sẽ rút quân đơn phương?

- Ông Thiệu: Tôi cũng có hoài nghi, song lúc đó vẫn tin tưởng vào lời hứa của Tổng Thống Nixon, của một nước siêu cường, là đồng minh thiết yếu của VNCH.

- Ký giả: Ông có lý, vì trong cuốn Hồi Ký của ông Kissinger có viết là không thể chấm dứt chiến tranh dễ dàng như thay đổi đài truyền hình, vì đây là một việc có liên quan đến 2 chính phủ, 5 quốc gia đồng minh, và đã có khoảng 31.000 người Mỹ bị thương vong (vào lúc đó). Hoa Kỳ muốn có thỏa thuận. Vậy ông có đặt điều kiện nào trong cuộc thương thảo giữa Mỹ và Bắc Việt Nam?

- Ông Thiệu: Chúng tôi đã chán ngấy chiến tranh và quyết tâm chấm dứt qua việc thương thảo. Chúng tôi chỉ có một đòi hỏi là những người xâm nhập từ miền Bắc phải rút hết về Bắc.

- Ký giả: Ông Kissinger viết trong hồi ký là ông đã biết chắc

là quân đội Bắc Việt sẽ ở lại miền Nam, nhưng ông không hề phản đối, cho tới tháng 10 năm 1972.

- Ông Thiệu: Đây là một sự dối trá trắng trợn của ông Kissinger. Nếu tôi đồng ý về việc quân đội miền Bắc ở lại miền Nam thì đã không quyết liệt phản đối khi trong văn bản dự thảo không có điều khoản buộc quân đội Bắc Việt rút quân về Bắc. Đây là điều thiết yếu nhất, mà tôi kiên định tranh đấu cho tới phút chót. Tôi cho là ông Kissinger biết là sẽ không có hiệp định nếu không có điều khoản quân đội Bắc VN rút quân về Bắc.

Sau nhiều lần thảo luận gay gắt, ông Kissinger mới thú nhận là điều này đã được đưa ra ba năm trước đây, nhưng Liên Xô không chấp nhận. Bây giờ, tôi mới vỡ lẽ ra là Mỹ đã chịu thua Liên Xô. Tôi thất vọng vô cùng.

- Ký giả: Người Nga có thể phản ứng khác. Tuy nhiên, Bắc Việt không quan niệm Nam Việt Nam là một quốc gia khác. Trong suốt một thời gian dài, họ luôn chối cãi là không có sự hiện diện của quân đội Bắc Việt, tại miền Nam.

- Ông Thiệu: Với trên 20 năm kinh nghiệm, chúng tôi học được một điều là không bao giờ tin những tuyên bố của Liên Xô và Bắc Việt. **Ngay cả một người mù cũng nhận thấy là có quân đội Bắc Việt tại Lào, Cambodge, và Nam Việt Nam.** Chúng ta phải nhìn vào dữ kiện, thay vì tin vào những gì địch quân nói.

-Ký giả: Ông có tranh luận với ông Kissinger về điều này chứ?

- Ông Thiệu: Dĩ nhiên là có, và ngay cả với Tướng Haig,



*Thủ Tướng Trần Thiện
Khiêm (1967-1975)*

phụ tá của ông Kissinger. Tôi đặt câu hỏi với ông ta: “Ông và tôi đều là tướng lãnh, xin ông cho biết là có bất cứ một hiệp định hoà bình nào đã được ký mà quân xâm lăng không phải rút ra khỏi nơi mà họ đã xâm chiếm?” Tôi cũng hỏi thêm: “Giả dụ, khi Liên Xô xâm chiếm và đóng quân trong lãnh thổ Hoa Kỳ, chắc ông không thể nói là có hiệp định hòa bình với Liên Xô?”

- Ký giả: Ông Kissinger trả lời ông ra sao?

- Ông Thiệu: Ông ta không có câu trả lời. Làm sao trả lời được khi không có một luận cứ vững chắc nào?

- Ký giả: Ông Kissinger viết trong hồi ký: “Không thể bắt buộc Bắc Việt rút quân về Bắc, vì không ai đưa ra hội nghị bàn thảo để bỏ bớt đi những gì đã đạt được trên chiến trường.” Ông ta viết thêm: “Có một điều khoản trong Hiệp Định Paris không cho xâm nhập.” Rồi ông ta đi đến một kết luận là: “Lực lượng Bắc Việt sẽ bớt đi dần dần, rồi không còn nữa theo thời gian vì không còn được xâm nhập.”

- Ông Thiệu: Dưới cái nhìn của tôi, chính phủ Hoa Kỳ, đặc biệt là Tiên Sĩ Kissinger, không thông hiểu cách thức thương thảo với Cộng Sản; dù đã trải qua những kinh nghiệm đau thương lúc hòa đàm với CS năm 1954 và trong chiến tranh Triều Tiên. Khi hội đàm về Lào và Cao Miên, họ cũng không rút ra được kinh nghiệm và không biết cách thương thảo với CS, cũng không có khái niệm về chiến thuật và chiến lược của CS. Chúng tôi gặp khó khăn vì Kissinger, đại diện một siêu cường và có tiếng là một nhà thương thuyết thượng thặng, lại tin tưởng rằng quân đội Bắc Việt sẽ ngưng xâm nhập miền Nam. Lý do nào khiến ông ta tin tưởng như vậy? Làm sao kiểm soát được họ? Làm sao có thể canh chừng, kiểm soát biên giới của miền Nam với Lào và Cambodge? Ngay cả khi với giả thuyết có một triệu kiểm soát viên, cũng không thể quả quyết là không có sự xâm nhập. Không hiểu sao ông ta có thể tin vào các điều Bắc Việt tuyên bố?

Ông ta có thể tin CS, nhưng chúng tôi không thể nào tin họ được. Do đó, tôi cứng rắn đòi hỏi việc rút quân của Bắc Việt. Nếu thật sự họ muốn có hòa bình, tại sao họ lại muốn quân đội của họ lưu lại miền Nam? Để làm gì? Câu trả lời là không ngoài mục đích xâm chiếm miền Nam.

* * *

* **Bình luận về Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu:**

Henry Kissinger viết trong hồi ký của ông: “Cho đến hôm nay, tôi kính trọng ông Thiệu như một gương hào hùng của một người cương quyết chiến đấu cho nền tự do dân tộc của ông. Một người sau này đã chiến bại vì những hoàn cảnh ngoài tầm tay cá nhân ông, đất nước ông, và ngay cả ngoài vòng quyết định của chúng ta...”

(Henry Kissinger: Years of Upheaval, 1981)

(Xuân Khuê chuyên ngữ)



Ngoại Trưởng Hoa Kỳ Henry Kissinger

Khi mà hòa bình đã đạt được bằng sự phản bội dân tộc VN, Kissinger mới hồi tâm thú thật cảm nghĩ của ông ta về người anh hùng lãnh đạo miền Nam, trong thời gian gây cản nhứt lịch sử chiến tranh.

Kissinger viết: “Sau khi ngưng bắn, quân đội chúng ta rút về bên kia bán cầu, còn quân đội và dân tộc của ông vẫn còn cảnh một đoàn quân tiếp tục hy sinh cho những hy vọng mong manh vì nền độc lập, tự do.

Chúng ta đã chắc chắn rằng biện pháp của chúng ta sẽ kèm hãm được tham vọng của Hà Nội. Nhưng dưới mắt của ông Thiệu thì ông chỉ quan ngại vào những điều thiếu bảo đảm sau

này?”

Kissinger cũng thú thật là vì không còn cách lựa chọn nào khác, cho nên Mỹ đành phải hy sinh VNCH. Cũng vì vậy, Kissinger đành phải đóng vai là kẻ thù nghịch của ông Thiệu. Nhưng trong sâu thẳm của đáy lòng, ông ta vẫn khâm phục ông Thiệu. Kissinger viết: “Như một phép lạ, xuất phát từ lòng dũng cảm, ông Thiệu đã cố gắng leo lái quốc gia trong giai đoạn cam go chiến đấu chống lại kẻ thù cố tâm xâm lăng, đồng thời làm an tâm đồng minh nào chưa hiểu ông. Về riêng tư, tuy tôi dành ít cảm tình cho ông, nhưng tôi rất khâm phục ông, vì ông là một người chiến đấu kiên cường trong nỗi cô đơn ghê gớm (terrible loneliness), sau cuộc rút quân của Hoa Kỳ. Ông chấp nhận những tiếng “thị phi” và thiếu cảm thông dành cho ông. Điều đó không làm phẩm chất của ông bị hao mòn.”

(Xuân Khuê dịch)

Ngày 22 tháng 10 năm 1972, ông Thiệu đã nổi giận khi Kissinger ép buộc ông phải chấp nhận bản dự thảo hiệp định đình chiến, mà Kissinger đã cùng Lê Đức Thọ soạn thảo tại Paris.

Ông cảnh cáo Kissinger: “Tôi không đồng ý về việc một số viên chức của quý vị rêu rao khắp nơi là tôi đã ký hiệp định. Tôi chưa ký kết gì cả. Tôi không phản đối hòa bình, nhưng tôi chưa nhận được trả lời thỏa đáng nào của quý vị về thắc mắc của tôi cho nên tôi sẽ không ký.”

Kissinger mất bình tĩnh với tuyên bố của Tổng Thống Thiệu. Ông nói ông đã thành công ở Bắc Kinh, ở Moscow, ở Paris, mà bây giờ ông phải thất bại ở Saigon... Kissinger viết tiếp: “Nếu ngài không ký, chúng tôi sẽ xúc tiến một mình.”

Nghe Kissinger nói như vậy, ông Thiệu càng nổi giận thêm. Ông buộc tội Kissinger là đã thông đồng với Bắc Kinh và Moscow để bán đứng VNCH.

Trong hồi ký của Kissinger, có ghi lại lời ông Thiệu nói với

ông như sau:

“Là một quân nhân thì lúc nào cũng phải chiến đấu. Nếu tôi không phải là một quân nhân, thì tôi đã từ chức, khi Hoa Kỳ yêu cầu tôi từ chức và còn mặc cả với tôi về ngày, giờ từ chức. Tôi chưa hề nói với ai là người Mỹ đã đòi tôi từ chức vì như vậy là nhục... **Cho nên tôi đã làm như tự mình chọn lấy quyết định đó...**

(Kissinger: White House Years, trang 1385)

Kissinger đáp lại: “Tôi cảm phục đức tính hy sinh và lòng can đảm của ngài qua lời phát biểu vừa rồi. Tuy nhiên, là một nhà ngoại giao của chính phủ Hoa Kỳ, tôi không khỏi phiền lòng khi ngài cho rằng chúng tôi thông đồng với Liên Xô và Trung Quốc. Làm sao ngài có thể nghĩ như vậy? **Khi Tổng Thống Nixon quyết định thả bom Hà Nội và phong tỏa hải cảng Hải Phòng, là đã liều cả tương lai chính trị của mình để giúp cho ngài.** Chúng tôi điều đình với Liên Xô và Trung Quốc là để buộc họ phải làm áp lực với Hà Nội. Nếu như chúng tôi muốn bán đứng đất nước quý ngài thì đã có nhiều cách dễ dàng hơn để hoàn thành việc đó.

(Kissinger: White House Years, trang 1385, 1386.)

Rồi tới phiên Đại Sứ Bunker mạt bình tĩnh: “Vậy thì, thưa Tổng Thống, lập trường chót của ngài là không ký. Có phải vậy không?”

Tổng Thống Thiệu đáp:

- “Vâng! Đó là lập trường cuối cùng của tôi. Tôi sẽ không ký. Xin ngài thông báo cho Tổng Thống Nixon biết như thế. Xin quý ngài trở lại Washington nói với Tổng Thống Nixon rằng tôi cần được trả lời những vấn đề tôi thắc mắc.”

Tổng Thống Thiệu nói tiếp: “Có gì quan trọng khi Hoa Kỳ để mất một quốc gia nhỏ bé như VNCH? Đối với các ngài, chúng tôi không hơn gì một chấm nhỏ trên bản đồ

thế giới.

Nhưng đối với chúng tôi, đó là sự lựa chọn giữa sống hoặc chết. Đặt bút ký vào một hiệp ước bất bình đẳng tương đương với sự đầu hàng, là chấp nhận một bản án tử hình.

Nhận định của ký giả Bùi Mạnh Trinh:

Sau năm 1975, người Mỹ muốn lái lòng oán hận mất nước của dân chúng miền Nam VN vào ông Nguyễn Văn Thiệu và quân đội VNCH, để khóa lấp hành động “**bán đứng đồng minh**” của Mỹ, mà đại diện là Kissinger.

Họ vận động các phương tiện truyền thông kết án ông Thiệu làm mất nước. Họ kết án quân đội VNCH tham nhũng, hèn nhát, không chịu chiến đấu, v.v...

Họ dập tắt tiếng nói “thông minh và sáng suốt” của ông Thiệu và của những quân nhân quân đội VNCH.

Cũng vì chưa rõ nguyên do thất thủ của miền Nam VN, vẫn còn mập mờ không biết có phải do Mỹ phản bội hay do VNCH quá yếu kém, tham nhũng mà miền Nam thất thủ, do đó, mãi đến hôm nay, danh dự của ông Thiệu và quân lực VNCH chưa được chính thức phục hồi.

Người Mỹ vẫn muốn thế hệ mai sau của người Việt, vẫn coi ông Thiệu là một người hiếu chiến, luôn cản trở hòa bình, và làm mất nước.

Buồn thay cho thân phận của một quốc gia nhược tiểu, ngửa tay xin viện trợ của các “siêu cường”, phải chấp nhận “số phận”./.



CHIẾC ÁO TRẦN

*Minh-Nguyệt K17/1
Nam Sinh Tín*

Đã mấy mươi năm xa cách, đến bây giờ tôi mới tìm liên lạc được Hà, người bạn cố tri, và cũng là bạn cùng khoá trong trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Hà đã mời tôi đến tham dự Đại Hội Cựu Sinh Viên Sĩ Quan của Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam sẽ được tổ chức trong ba ngày ở một thành phố rất xa chỗ tôi đang cư ngụ. Tôi hôm nay, Hà đã điện thoại dặn dò kỹ lưỡng là sẽ đón tôi tại phi trường. Kỳ này là lần đầu tiên tôi đi tham dự Đại Hội, nên tôi đã chuẩn bị dành cả một tuần lễ để có nhiều thời gian hàn huyên với Hà và các bạn cùng khoá. Lòng tôi rất nôn nao vì sẽ có dịp về hội tụ với các anh em, chia sẻ niềm vui nỗi buồn trong cuộc sống hàng ngày, và nhắc nhở lại đời binh nghiệp của một thời chinh chiến.

Ngồi trong phi cơ, tôi nhắm mắt lại để hồi tưởng dần dần thời gian từ ngày đầu của những người thanh niên xếp bút nghiên, tình nguyện vào Trường VBQGVN, đứng bờ ngõ trên sân cỏ, bên nhau sẵn sàng theo binh nghiệp kiếm cung. Nhớ

lại tám tuần sơ khởi của Tân Khoá Sinh phải đối diện với các thử thách gay go kham khổ, nổi vui mừng khi chinh phục được Đỉnh Lâm Viên, những kỷ niệm tuyệt vời của các Sinh Viên Sĩ Quan được nghỉ phép đi dạo phố, hẹn hò trên đồi thông vũng cao nguyên Đà Lạt, bách bộ bên hồ Xuân Hương, hồ Than Thở, thác Cam Ly, nhà Thủy Tạ. Nhớ đến ngày hãnh diện nhận An-pha của Sinh Viên Sĩ Quan, và cuối cùng, ngày mãn khoá, nguyện thề với non sông làm Người Trai Võ Bị, Tự Thắng Đề Chỉ Huy. Tất cả như một cuốn phim mang đầy kỷ niệm đã diễn lại trong tiềm thức của tôi.

Sau chuyến bay quá dài, cuối cùng tôi đã tới phi trường vào buổi trưa. Nơi đây, tôi đã được đón về ở tạm tại tư gia của Hà và được gia đình bạn Hà tiếp đãi rất ân cần. Ngay buổi chiều hôm đó, Hà đã chở tôi đi dự Tiền Đại Hội. Gặp lại các bạn cùng khoá, tôi ôm từng người, tay bắt mặt mừng thật là cảm động. Có nhiều bạn đã thay đổi quá nhiều nên tôi không thể nhận ra. Tôi đến, ban tổ chức thực hiện Lễ Truy Diệu tại Tượng Đài Chiến Sĩ Việt Mỹ. Không ngờ đã lâu lắm rồi tôi mới lại được nhìn thấy toán Quốc Quân Kỳ và **lễ nghi quân cách của Việt Nam Cộng Hoà**.

Hình ảnh những người cựu chiến sĩ VNCH trước mắt tôi vẫn còn oai nghi như thuở nào, mặc dù tuổi đã xế chiều, nhưng tác phong vẫn còn đó. **Sáng hôm sau, Hà đưa tôi đi tham dự buổi** Họp Khoáng Đại. Các CSVSQ thuộc các khóa, các chị Phụ Nữ Lâm Viên, và các Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu đã đến tham dự khá đông. Bàn tiếp tân luôn bận rộn ghi danh khách đến tham dự. Mọi người vui vẻ chào hỏi nhau thật thân thiết vì họ đã từng sinh hoạt và liên lạc với nhau thường xuyên. Buổi Họp Khoáng Đại kéo dài trong hai ngày. Việc bầu Ban Chấp Hành nhiệm kỳ mới đã được hoàn tất tốt đẹp. Tất cả đã vui vẻ hẹn gặp nhau ở Dạ Tiệc bế Mạc Đại Hội.

Vừa bước vào phòng dạ tiệc bế mạc Đại Hội, tôi thấy quang cảnh rất náo nhiệt đối với tôi, người đến từ một nơi xa xôi hẻo lánh. Có một số khách thân hữu cựu chiến sĩ VNCH đã mặc

những bộ quân phục của các binh chủng Hải Lục Không Quân VNCH, hoặc những bộ Jaspé của Trường VBQGVN, trông rất chỉnh tề và đẹp mắt. Bạn Hà đã nhắc tôi nhớ mang theo quân phục để mặc, nhưng vì tôi không có bộ quân phục nào, nên tôi chỉ khoác trên người một ‘chiếc áo trận’ đã sờn vai và bạc màu theo thời gian. Nhìn dáng điệu của tôi trong chiếc áo rộng thùng thình lúc đó, có một bạn cùng khoá choàng vai tôi và nói đùa trước anh em:

- *Áo của bạn có vẻ đặc biệt đấy nhe, kiểu áo này bây giờ không kiếm ra đâu. Nhưng tôi thấy áo hơi lớn với bạn.*

Tôi đã mỉm cười trả lời:

- *Đây là áo kỷ niệm rất quý của tôi. Nếu các bạn muốn biết rõ chuyện về ‘chiếc áo trận’ này, tôi sẽ kể cho các bạn nghe sau, trước khi tôi đi về.*

Trong lúc chờ đợi buổi tiệc bắt đầu, tôi đã có dịp gặp và chào hỏi các thầy huấn luyện trong TVBQGVN năm xưa. Khai mạc buổi tiệc là lễ Chào Quốc Kỳ. Khi bài quốc ca Việt Nam trỗi dậy: “*Này Công Dân ơi, đứng lên đáp lời sông núi...*”, tôi đã xúc động hát cùng mọi người với niềm tự hào trước lá Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ. Giữa không khí trang nghiêm của phút mặc niệm, tôi mũi lòng thầm tưởng niệm tới các chiến hữu và tiền nhân đã hy sinh xương máu để bảo vệ tổ quốc. Phần nghi lễ truyền thống, y như thời trong Trường Võ Bị, đã khiến tôi nhớ lại cảnh Vũ Đình Trường năm xưa. Bài điệu văn và tiếng chiêng trống vang dội trong không gian yên lặng, **lời thơ ngâm réo rắt, khiến tôi cảm thấy thấm thía tâm can.**

Tiếp tục là phần giới thiệu bàn giao Ban Chấp Hành mới, lời cảm tạ của ban tổ chức và phát biểu cảm tưởng của Đại Diện Khoá, Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu và một vài vị quan khách. Điều tôi chú tâm nhất là các Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu/Thế hệ Hai và Ba đã biểu hiện chí cương quyết tiếp tục con đường dẫn thân của cha ông, đấu tranh cho quê hương Việt Nam thoát khỏi ách độc tài cộng sản, cho dân tộc Việt

Nam sớm được tự do dân chủ, no ấm, nhân quyền và bác ái.

Chương trình văn nghệ phụ diễn mở đầu bằng bài đồng ca Võ Bị Hành Khúc. Các CSVSQ đều thuộc lòng bài VBHK nên đã hát rất đều theo nhịp điệu quân hành. Khoác ‘chiếc áo trận’ cũ kỹ, tôi đứng ở ngay chính giữa hàng đầu trên sân khấu, hăng say cất cao tiếng hát, mà trong lòng vừa hân hoan vừa xúc động. Sau đó, là những tiết mục văn nghệ cây nhà lá vườn của gia đình Võ Bị. Tôi đã được thưởng thức những màn biểu diễn xuất sắc và công phu, những ca khúc rất hay do các thân hữu trình bày. Những tà áo tha thướt và những bộ đồng phục tuyệt đẹp liên tục xuất hiện trên sân khấu.



Bàn tiệc nào cũng có các món ăn chọn lọc rất ngon, vui nhộn với những tràng pháo tay, những lời chào hỏi và tiếng cười rộn rã. Máy quay phim chiếu sáng và nhiếp ảnh gia nháy không ngừng khiến tôi bị choá mắt. Các bạn cùng khoá đã đến tận bàn nâng ly chúc mừng tôi từ phương xa tới, khiến tôi cảm động vô cùng. Tôi dự tiệc cho đến giờ phút chót, và khi tôi tạm biệt mọi người, ban tổ chức đã tặng cho tôi một tấm hình chụp chung với các bạn cùng khoá và các thầy để lưu niệm và một CD quay lại cả buổi dạ tiệc. Tôi ra về với niềm vui khôn xiết mà lòng còn lưu luyến.

Buổi dạ tiệc bé mạc Đại Hội đã được thành công mỹ mãn. Trong mấy ngày nghỉ phép còn lại, Hà đã đưa tôi đi thăm viếng thành phố. Những khu sinh hoạt của cộng đồng người Việt Nam ở hải ngoại thật sung túc. Tôi đã có dịp thưởng thức những món ăn thuần túy Việt Nam như phở, bún riêu, bò báy món, chả cá. Điều tôi chú ý nhất là những Lá Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ được treo trên cao ở trước cửa các nhà hàng và khu buôn bán. Những lá Cờ Vàng bay phất phới dọc theo hai bên các con đường, khiến tôi có cảm tưởng như đang đi giữa thành

phố Saigon, Việt Nam. Lúc này, tôi thâm nghĩ rằng phải chi tôi được thấy cảnh này trên quê hương của mình thì tốt biết mấy. Sau đó, gia đình Hà đã đưa tôi đi thăm những nơi thắng cảnh nổi tiếng trong vùng. Ngày cuối, một anh bạn cùng khoa đã mời chúng tôi đến nhà để hàn huyên tâm sự, và mọi người, vì hiếu kỳ, đã yêu cầu tôi kể chuyện về ‘chiếc áo trận’.

Thực ra ‘chiếc áo trận’ này là của Sơn, một người bạn đồng đội trẻ tuổi hơn tôi, một chiến sĩ bộ binh nay không còn trên thế gian này nữa. Chúng tôi đã từng sát cánh bên nhau trong các trận mạc, chia sẻ tâm sự và đã từng bảo vệ nhau trong những lúc thập tử nhất sinh. Chúng tôi đã coi nhau là anh em kết nghĩa. Đã có một lần tôi bị thương rất trầm trọng, Sơn đã cố gắng cõng tôi trên vai mà đưa tôi về căn cứ để kịp trị liệu vết thương. Nghĩa cử này khiến tôi mãi ghi khắc trong lòng. Trước đây, tôi thường đến nhà của Sơn ăn uống chuyện trò, nên gia đình của Sơn xem tôi như là người thân. Sau này, chúng tôi chuyển sang đơn vị khác nhau, mải miết với đời sống hàng ngày, hành quân nay đây mai đó, nên chúng tôi không còn liên lạc thường xuyên nữa.

Có một lần tôi được về nghỉ phép, đến thăm gia đình của Sơn; bác Hai, mẹ của Sơn, đã cho tôi biết là Sơn đã tử trận từ một năm trước rồi. Lúc đó tôi đã quá bàng hoàng trước hung tin, và thương tiếc một người bạn đã ra đi không từ biệt. Thấp nén hương trước bàn thờ của Sơn, mà lòng tôi quặn thắt.

Bác Hai đã than với tôi:

- Em Sơn nó chưa có vợ con mà đã chết sớm, bác thật đau lòng. Vì bác chỉ có Sơn là con một, nên bác không có cháu nào.

Tôi nghe vậy rất thương bác Hai, bèn nói:

- Chú Sơn đã nói với con là chú ấy có bạn gái rồi. Không biết chú ấy có cất giữ gì liên quan đến cô bạn gái không.

Nghe tôi nói thế, bác Hai đã vội vàng đi nhanh vào phòng trong tìm va-li đựng quần áo của Sơn mà bác đã cất kỹ từ bao

lâu nay. Bác xách va-li ra và nhờ tôi giúp bác lục hết trong va-li, nhưng rất tiếc đã không tìm ra được gì. Bác Hai đã đứng im lặng nán lòng nhìn đồng quần áo ngổn ngang, đôi mắt buồn vùi vùi, nhưng rồi bác Hai chợt nhớ ra điều gì nên lại trở vào phòng, mang ra một ‘chiếc áo trện’ đã bám bụi và nhờ tôi xem xét kỹ lưỡng. Khi tôi vừa thò tay vào túi áo trên, ngón tay tôi chạm phải một vật gì hơi cứng, tôi vội lấy ra, thì đó là tấm hình của một cô gái ẵm em bé. Tôi xem phía sau tấm hình và đọc chữ viết trên đó cho bác Hai nghe:

- *Con của chúng ta đã 9 tháng rồi Xuyến (địa chỉ ghi bên dưới).*

Tôi và bác Hai đã rất ngạc nhiên và vô cùng mừng rỡ vì nghĩ rằng đã tìm được một tia hy vọng.

Chiều hôm đó, không để chậm trễ, tôi đã đưa bác Hai đến địa chỉ ghi trên tấm hình, đó là một căn nhà nhỏ nằm trong một khu chung cư. Tôi gõ cửa, có một cô gái chạc hai mươi mấy tuổi ra mở cửa. Sau khi chào hỏi, cô gái đã mời chúng tôi vào nhà. Nhìn chung quanh, tôi thấy một cậu bé khoảng ba tuổi đang ngồi trên giường, khung hình của Sơn mặc quần phục để ở trên bàn. Sau khi trò chuyện, cô gái cho biết cô tên là Xuyến, là vợ chưa cưới của Sơn, và cậu bé là con của Sơn. Cô còn mang khoe những tấm hình chụp chung với Sơn cho chúng tôi xem. Cô Xuyến nói là đã tìm kiếm Sơn mấy năm qua mà không có kết quả gì, cô ở vậy nuôi con, và không dám rời chỗ ở, vì mong có ngày Sơn sẽ trở về kiếm mẹ con cô.

Khi nghe tin là Sơn đã tử trện, cô Xuyến đã ôm con vào lòng và khóc nức nở. Bác Hai vừa khóc theo vừa vỗ về cô Xuyến, khiến tôi cũng mủi lòng. Sau đó, thể theo lời yêu cầu, cô Xuyến đã đồng ý đem con về ở với bác Hai ngay ngày hôm đó. Thật là vô cùng may mắn và phúc đức cho bác Hai đã tìm được con dâu và cháu nội. Tôi nghĩ rằng có lẽ đây là nguyện vọng cuối đời của Sơn là vợ con được về đoàn tụ với gia đình. Sau khi đã thu xếp mọi việc cho bác Hai xong, tôi từ giã ra về,

bác Hai nói:

- Bác cảm ơn con rất nhiều. Nhờ con đã giúp bác tìm ra vợ con của Sơn, bác sẽ được an ủi phần nào trong cuộc sống còn lại. Bác tặng con chiếc áo của Sơn để làm kỷ niệm.

Tôi cầm chiếc áo trên tay, lòng thương tiếc một chiến hữu mà tôi hằng quý mến. Tôi còn nhớ hai câu hát trong ca khúc Biệt Kinh Kỳ của nhạc sĩ Minh Kỳ mà Sơn thường hay nghe ngao trong những lúc hành quân:

*Bạn ơi mai này ai hỏi đến tên tôi,
Bạn ơi hãy nói: 'khoác chiến y' rồi...*

Nay 'chiếc áo trận' mà Sơn đã từng mặc trở thành một kỷ vật đặc biệt riêng tặng cho tôi, và tôi tiếp tục 'khoác chiến y' này để luôn tưởng nhớ đến một đồng đội đã hy sinh vì tổ quốc. Tôi đọc lên bốn câu thơ mà tôi đã sáng tác cho các bạn nghe:

*Áo trận bạn mặc thời chiến chinh
Tôi luôn cất giữ ở bên mình
Khoác lên kỷ vật lòng tưởng nhớ
Người bạn đồng đội đã hy sinh*

Trời bắt đầu tối khi tôi vừa kể xong chuyện 'chiếc áo trận' của Sơn. Hà nhắc nhở tôi đứng lên chào từ giã mọi người vì sáng sớm ngày hôm sau tôi phải ra phi trường.

Tôi cảm ơn bạn Hà đã mời tôi đi tham dự Đại Hội kỳ này. Tôi rất vui mừng vì đã có rất nhiều kỷ niệm đầy thú vị với các bạn đồng môn và được gặp lại các sĩ quan huấn luyện của TVBQGVN năm xưa. Khi phi cơ bắt đầu từ từ cất cánh, tôi ngả lưng ngồi thoải mái, lòng nhủ thầm rằng, "kỳ Đại Hội CSVSQ/TVBQGVN lần tới, tôi nhất định sẽ đi tham dự để gặp lại các anh em vui vẻ trong Tình Tự Võ Bị."

Hình đầu bài: Các phu nhân tham dự lễ chào cờ trong Đại Hội Võ Bị Lần Thứ XX.